

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày 19 tháng 9 năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn
2. Ông Bùi Thanh Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2017/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2017; Đối với các bị cáo:

1. **Đặng Văn Th**, sinh năm 1982, tại xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: thôn 10, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Đặng Văn T1 và bà Trần Thị M; Có vợ là Nguyễn Thị M 1 và 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án: Ngày 04/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “đánh bạc”. Ngày 02/3/2017 đã thi hành xong phần tiền án phí và phạt bổ sung.

Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2017; Có mặt.

2. **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1989, tại xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 09/12; Con ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị P; Có vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con, sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

- Ngày 25/5/2015, bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “đánh bạc”; ngày 20/7/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 18/11/2016 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa khởi tố về tội “đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2017; Có mặt.

3. **Lê Sỹ T**, sinh năm 1984, tại xã T, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: Thôn 7, xã X, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 09/12; Con ông Lê Sỹ H và bà Lê Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị L và có 03 con, Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án: Ngày 22/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “đánh bạc”. Ngày 07/6/2017 đã thi hành xong án phí dân sự.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2016; Ngày 12/6/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "bảo lãnh"; Có mặt.

4. **Lê Đức H**, sinh năm 1986, tại xã X, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: Thôn H, xã X, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Con ông Lê Đức T và bà Lê Thị H; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 21/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”. Ngày 15/11/2016 đã chấp hành xong phần án phí, phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập.

- Ngày 18/01/2017 bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa khởi tố bị can về tội “đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2016; Ngày 06/6/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "bảo lãnh"; Có mặt.

5. **Trần Quốc H**, sinh năm 1988, tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Trú tại: tổ 48, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 10/12; Con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Trương Khánh H và có 01 con, sinh năm 2014;

Tiền án: Ngày 19/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội xử phạt 05 tháng 13 ngày tù về tội “đánh bạc” (được trả tự do ngay tại phiên tòa); Ngày 20/8/2015 thi hành xong phần án phí dân sự và khoản truy nộp.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 8 tháng tù về tội “đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2017; Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn 2, xã Xuân L, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:*

1. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ 52 phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn B, sinh năm 1987, nơi cư trú: khu 4, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần Quốc H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2016, Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T và Lê Đức H có gặp nhau, trong quá trình nói chuyện đã thống nhất với nhau lừa đảo chiếm đoạt tài sản người khác bằng thủ đoạn cho người bị hại uống “thuốc” (các đối tượng thường gọi là “thuốc đánh bạc”, là một dạng thuốc kích thích khi uống vào sẽ tăng ham muốn đánh bạc và khi tham gia đánh bạc thì bị cuốn hút và không dứt ra được), sau đó giả tham gia đánh bạc cùng bị hại, sử dụng thủ đoạn chơi cờ bạc gian lận để chiếm đoạt tài sản của bị hại. T biết gần nhà T có anh Bùi Văn Đ mới mua một xe ô tô 4 chỗ để kinh doanh chở khách nên thông báo cho các đối tượng để xác định anh Đ sẽ là “mồi”, “gà” (bị hại) để các đối tượng thực hiện chiếm đoạt tài sản, địa điểm thực hiện tại thị trấn Thọ Xuân. Cụ thể như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 11/11/2016, T gọi điện cho anh Đ bảo anh Đ qua nhà đón T để đưa lên thị trấn Thọ Xuân bằng xe ô tô của anh Đ (loại xe Kia Rio, biển kiểm soát 36A – xxx.xx). Th, C, H biết việc T đang đưa Đ lên nên tập trung tại nhà hàng Ngôi Sao. Sau khi đến nơi, T đi vào trong nhà hàng trước còn anh Đ ngồi ngoài xe ô tô đợi. Khoảng 5 phút sau T gọi anh Đ vào uống nước cùng sau đó cả hội vào phòng hát karaoke. Trong lúc hát thì Th pha “thuốc” vào cốc bia của anh Đ, anh Đ uống bia thấy có vị đắng khác thường nên vào nhà vệ sinh nôn hết nhưng các đối tượng không biết tưởng anh Đ đã ngấm “thuốc”. Sau khi hát khoảng 30 phút thì cả hội rủ nhau đến nhà Hoàng Văn T ở khu 4 thị trấn T để dàn dựng nên việc Th, C, H, T giả đánh bạc cùng anh Đ để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên do anh Đ không bị ngấm “thuốc” nên không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem. Biết không lừa được anh Đ nên đến 16 giờ cả nhóm giải tán. Anh Đ chở T về nhà. Th cho rằng thuốc giả không có tác dụng, nên C nói “*để em gọi bạn em mang đồ vào*” (tức là mua “thuốc” đem vào). Sau đó C gọi điện cho Trần Quốc H ở tổ 48 phường H, thành phố T để rủ H mua “đồ” vào Thanh Hóa cùng “*làm thịt gà*” (ý C là nhờ H mua “thuốc đánh bạc” đem vào Thanh Hóa để lừa chiếm đoạt tài sản của người khác), H đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 11/11/2016, H rủ Ngô Thị T ở tổ 52 phường H, thành phố T vào Thanh Hóa chơi; trên đường đi H gọi điện hẹn mua “thuốc” của một người đàn ông lạ mặt ở gần siêu thị BigC Hà Nội, sau đó tiếp tục vào Thanh Hóa rồi đón taxi lên thị trấn Thọ Xuân.

Sáng 12/11/2016, Cầu, Lê Thị H (là bạn gái C), H và T đi ăn sáng; C gọi điện thoại thông báo cho Th và H về việc H đã mang thuốc vào. Th, C, H gọi điện thoại cho T để đưa anh Đ lên thị trấn Thọ Xuân nhưng T đang ngủ nên không nghe máy. Sau đó Th trực tiếp gọi điện cho anh Đ để thuê xe nhưng do mẹ anh Đ không đồng ý nên anh Đ từ chối. Sau khi T ngủ dậy thấy cuộc gọi nhỡ của T, H, C nên gọi lại thì biết H đã vào nên T gọi điện cho anh Đ đón T lên thị trấn Thọ Xuân.

Lê Đức H nhờ bạn là Lê Văn L ở thôn Xuân Phú, xã X, huyện T2 chở lên thị trấn Thọ Xuân gặp hội T, C rồi rủ nhau đến nhà hàng Hoàng Gia Viên và thông báo cho T đưa anh Đ đến địa điểm trên. T đưa anh Đ đến nhà hàng Hoàng Gia Viên rồi cùng với H, L, H, H1 và T ăn trưa tại quán. Trước khi ăn lợi dụng lúc anh Đ vào nhà vệ sinh thì H đã nhỏ “thuốc” vào cốc bia của anh Đ, (“thuốc” được Hà bỏ vào một lọ thuốc nhỏ mắt có nhãn dán Natriclorid). Trong lúc ăn trưa, do được các đối tượng mời nên anh Đ đã uống cốc bia mà H bỏ “thuốc” vào. Còn Th và C không ở lại ăn trưa cùng mọi người mà đi trước để tìm địa điểm đánh bài. Th và C đi bộ đến nhà Hoàng Văn T ở khu 4 thị trấn T để mượn nhà chơi bài nhưng T không đồng ý. Th nói *“vậy thì bọn anh đi chỗ khác nhưng nếu tí nữa có cấm xe thì gọi hộ người cho bọn anh cấm xe với nhé”*. Th và C đi ra ngõ nhà T thì gặp Vũ Văn B ở cùng khu với T. Khi biết Th, C có ý định tìm nhà để chơi bài thì B nói *“nhà em không có ai ở nhà các anh đến mà chơi”* và dẫn Th, C về nhà mình.

Sau khi anh Đ ăn cơm cùng các đối tượng được 30 phút, H ra hiệu cho biết anh Đ đã ngấm thuốc nên các đối tượng rủ nhau đi đánh bạc. T nhờ H chở xe máy đi trước để vào nhà B và cùng với T, C dàn dựng lên việc đánh bạc với nhau bằng hình thức đánh ba cây tính điểm ăn tiền. Trước khi chơi, T bỏ ra 30.000.000đ, đưa cho C, T mỗi người 10.000.000đ để đóng vai là người tham gia đánh bạc. Còn anh Đ chở H, T1, L đến đầu ngõ gần nhà B, mọi người xuống xe ra quán cà phê ngồi uống nước; anh Đ gọi điện cho T nói ở ngoài xe để chờ T. Do anh Đ không vào nên các đối tượng chưa thực hiện được ý đồ; T nói với T nhờ anh Đ mang tiền vào để lấy cớ dụ anh Đ vào nhà B để tham gia đánh bạc. T gọi điện cho anh Đ nói *“anh đang thua nhiều, em ra quán nhà hàng Ngôi Sao có người đưa tiền em mang vào đây cho anh”*. Để có tiền cho anh Đ mang vào cho T, T gọi điện cho H (lúc này đang ở ngoài uống nước) bảo H vay 10.000.000đ để đưa cho anh Đ mang vào cho T. H không có tiền nên gọi điện cho T vay tiền, T đưa tiền cho Nguyễn Bá N (Bòm Đ) ở khu 5 thị trấn T nhờ đem ra gần nhà hàng Ngôi Sao đưa cho H. N gọi điện cho H thì H bảo *“ra gần nhà hàng Ngôi Sao, có thằng đi ô tô ra lấy”*. N đem tiền ra khu vực gần nhà hàng Ngôi Sao thì anh Đ ra nhận. Sau đó anh Đ quay về ngõ nhà B gọi điện cho T ra lấy tiền thì T nhờ anh Đ mang tiền vào hộ T. Anh Đ cầm tiền vào nhà B đưa cho T thì các đối tượng khóa cửa lại không cho anh Đ ra ngoài lấy lý do là tránh đi lại lộn xộn bị Công an phát hiện việc đánh bạc.

Anh Đ ngồi xem Th, C, T đánh bạc, được một lúc T lấy lý do đi vệ sinh để nhờ anh Đ cầm bài hộ T và đưa cho anh Đ 10.000.000đ để chơi. Một lúc sau T quay vào và cũng mở một cửa ngồi đánh bạc cùng T, Cầu và anh Đạt. Một lúc sau Th nói anh Đ đã nợ T 20.000.000đ. Do đã ngấm “thuốc” và không hoàn toàn làm chủ được hành vi của mình nên Đ đã nghe theo lời các đối tượng tham gia đánh bạc nhằm gỡ lại số tiền đang nợ.

Trong quá trình đánh bạc, do Nguyễn Ngọc C có khả năng nhanh mắt, nhanh tay, chia bài được theo ý muốn nên làm nhiệm vụ “lát bài”; nếu Cầu là người cầm chương thì sẽ chia bài cho anh Đ ít điểm và bị thua tiền C, khi Th hoặc H giơ bài ra tính điểm thì C đập bài xin thua và chuyển tiền cho Th hoặc H. Đến khoảng 18 giờ thì anh Đ đã thua phải vay nợ của Th 110.000.000đ nên Th yêu cầu anh Đ phải trả tiền. Do anh Đ không có tiền nên đã đồng ý cầm xe ô tô để lấy tiền trả nợ. Các đối tượng nhờ T gọi người đến cầm xe ô tô. T gọi điện thoại cho Trịnh Khắc H ở xóm 4, xã T, huyện T2 đến nhà T để anh Đ cầm xe vay tiền. Sau khi kiểm tra xe, giấy tờ xe xác định là xe chính chủ thì ông H đồng ý cho anh Đ vay số tiền 130.000.000đ. Sau khi nhận 130.000.000đ, anh Đ trả cho Th 110.000.000đ, còn lại 20.000.000đ anh Đ tiếp tục sử dụng để đánh bạc.

Sau khi Th đã chiếm đoạt được số tiền 110.000.000đ của anh Đ, Th cầm tiền đi ra ngoài và bảo H vào chơi. H vào thay vị trí của Th tiếp tục giả đánh bạc cùng với T, C và anh Đ để chiếm đoạt tiền của anh Đ. Trước khi H vào nhà B thì được Th đưa cho 10.000.000đ làm vốn để chơi. Anh Đ lại tiếp tục bị thua hết số tiền 20.000.000đ, ham gỡ nên anh Đ vay thêm ông H 40.000.000đ để đánh tiếp. Đến hơn 21 giờ thì anh Đ thua hết tiền. Cả hội tạm dừng và dẫn nhau đi ăn tối.

Sau khi ăn tối xong đến khoảng 22 giờ cùng ngày, các đối tượng tiếp tục bảo anh Đ vay thêm tiền để “*đánh bạc mà gỡ tiền thua*”. Do đã ngấm thuốc, bị kích thích và ham muốn nên anh Đ vay thêm ông H 50.000.000đ nữa để đánh bạc. Ông H cắt 10.000.000đ tiền lãi, đưa cho anh Đ 40.000.000đ và yêu cầu anh Đ viết giấy vay tiền tổng cộng là 220.000.000đ. Anh Đ cùng với H, T, C đi sang nhà B tiếp tục đánh bài, đến khoảng 24 giờ thì anh Đ bị thua hết tiền và xin nghỉ. C đưa cho T 10.000.000đ bảo T đưa anh Đ đi chơi, T cũng nói với T phải đưa anh Đ đi chơi cho hết thuốc mới về. T đưa anh Đ đến thuê nhà nghỉ ở xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn; đến sáng 13/11/2016 thì T và Đ thuê taxi xuống thành phố Thanh Hóa, sau đó anh Đ gọi mẹ xuống thành phố đón.

Sau khi các đối tượng đã chiếm đoạt được số tiền 210.000.000đ của anh Đ; C bảo H trả tiền “thuốc” cho H và cho chủ nhà 2.000.000đ nên H đưa cho H 10.000.000đ và Bình 2.000.000đ, sau đó các đối tượng giải tán. H đi về nhà còn Th, C, H, H, T xuống thành phố Thanh Hóa chơi. Đến chiều ngày 13/11/2016, cả hội về nhà H ở huyện L rồi thuê xe ô tô đi lên huyện Quan Hóa. Sáng 15/11/2016, tại nhà nghỉ Sông Mã ở thị trấn Quan Hóa, trong lúc nói chuyện thì Th đề nghị H cho xem lọ thuốc Hà đã mang vào cho Đ uống vào trưa ngày 12/11/2016; (thuốc được đựng trong một lọ nhựa màu trắng, bên ngoài có dán nhãn dung dịch nhỏ mắt Natriclorid). H lấy ống thuốc ra cho Th xem thì Th cầm lấy và bỏ luôn vào túi vải đen của Th mang theo, đến trưa ngày 15/11/2016 các đối tượng giải tán. Th, C sau đó thuê xe ô tô của Nguyễn Trung K ở khu 3 thị trấn T chở đi lên thị trấn Thường Xuân chơi thì bị tổ công tác của phòng PC 45 Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an huyện Thường Xuân tiến hành kiểm tra hành chính, đã phát hiện thu giữ: một lọ nhựa màu trắng, bên ngoài có tem nhãn dung dịch nhỏ mắt Natriclorid, bên trong đựng dung dịch lỏng màu trắng có dung tích 4ml, thu ở ngăn thứ hai bên ngoài của túi vải đen do Thao mang theo, chiếc túi được để ở ghế phía sau, ngay sau ghế phụ; một lọ nhựa trắng không có tem nhãn, bên trong đựng dung dịch lỏng

màu trắng đục có dung tích 6ml, được gói bằng một tờ giấy ăn màu trắng để ở ngăn sau ghế phụ (bên cạnh ghế lái) của xe ô tô.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đối với dung dịch đựng trong 2 lọ nhựa thu được. Tại bản kết luận giám định số 5245/C54(P4) ngày 30/11/2016 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: Mẫu chất lỏng (bên trong lọ nhựa màu trắng, không có tem nhãn) ghi thu tại ngăn sau ghế phụ (bên cạnh ghế lái) của xe ô tô biển kiểm soát 36A - 125.20 gửi giám định có tìm thấy Aplazolam, có tác dụng ngăn chống lo âu, chống trầm cảm; có tác dụng phụ: hay quên, buồn ngủ, chậm chạp tâm thần, giảm trương lực cơ. Mẫu chất lỏng (bên trong lọ nhựa màu trắng, bên ngoài có tem nhãn dán chữ thuốc nhỏ mắt Natriclorid, ghi thu tại ngăn thứ hai bên ngoài của chiếc túi xách bằng vải màu đen gửi giám định có tìm thấy Methamphetamine là một loại chất gây nghiện tổng hợp nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ; Methamphetamine kích thích hệ thần kinh trung ương, gây ảo giác, tạo sự hưng phấn. Ngày 20/01/2017, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định xác định hàm lượng (nồng độ) của chất giám định có Methamphetamine. Tại bản kết luận giám định số 374A/C54(TT2) ngày 20/02/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: Nồng độ Methamphetamine là 12,6mg/ml.

Sau khi sự việc xảy ra, Đến ngày 14/11/2016, anh Đ đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc. Ngày 29/11/2016, Lê Đức H và Lê Sỹ T đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú. Ngày 06/01/2017 Trần Quốc H đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đầu thú; Khi đến đầu thú H đã giao nộp 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 357780106131803115; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng, có số IMEI: 013626001835435.

Quá trình điều tra xác định Đặng Văn Th được hưởng 80.000.000đ; Lê Sỹ T 64.000.000đ; Lê Đức H 34.000.000đ; Nguyễn Ngọc C 20.000.000đ; Trần Quốc H 10.000.000đ. Gia đình T đã bồi thường, trả lại cho anh Đ 64.000.000đ; H 19.000.000đ; C 15.000.000đ; H 10.000.000đ. Vũ Văn B được các đối tượng cho 2.000.000đ cũng đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra; Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho người bị hại.

Vũ Văn B cho các đối tượng mượn nhà để đánh bạc nhưng không biết mục đích của các đối tượng là giả đánh bạc để chiếm đoạt tài sản của bị hại; Hoàng Văn T, Trịnh Khắc H, Lê Văn L, Vũ Văn N, Lê Thị H, Ngô Thị T có mặt trong quá trình phạm tội của các bị can nhưng chưa có tài liệu chứng minh đồng phạm với các bị can nên Cơ quan điều tra không khởi tố hình sự.

Căn cứ kết luận giám định xác định hành vi tàng trữ 4ml dung dịch có chứa Methamphetamine, nồng độ Methamphetamine là 12,6mg/ml của Trần Quốc H và Đặng Văn Th chưa đủ định lượng để xử lý hình sự.

Quá trình điều tra, ông Trịnh Khắc H đã giao nộp chiếc xe ô tô Kia Rio biển kiểm soát 36A – xxx.xx cho Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho người bị hại Bùi Văn Đạt.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 lọ nhựa màu trắng không có tem nhãn, bên trong có chứa dung dịch lỏng màu trắng, có chất Aplazolam và 01 ống nhựa màu trắng có dán tem nhãn dung dịch nhỏ mắt Natriclorid, bên trong có chứa dung dịch lỏng màu trắng, có chất Methamphetamine còn lại sau giám định

- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng hiện

Đang được quản lý đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 44/VKS-HS ngày 04/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần Quốc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần Quốc H đều thừa nhận hành vi như nội dung Cáo trạng nêu là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần Quốc H phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 51; Điều 53 và khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đặng Văn Th từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2014/HSST ngày 04/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2017, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2014/HSST ngày 04/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2017.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 51; Điều 53 và khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Sỹ T từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại bản án sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Quốc H từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 07 năm 08 tháng đến 07 năm 11 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/01/2017, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam tại bản án số 29/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Văn Th phải bồi thường cho anh Bùi Văn Đ 80.000.000đ, bị cáo Nguyễn Ngọc C 5.000.000đ, bị cáo Lê Đức H 15.000.000đ.

- Về vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần Quốc H tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng đầu tháng 11/2016 các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H gặp nhau nói chuyện và đã thống nhất thực hiện việc lừa chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn cho người bị hại uống thuốc (các bị cáo thường gọi là thuốc đánh bạc), sau đó giả tham gia đánh bạc cùng và sử dụng thủ đoạn chơi cò bạc bịp (cò bạc gian lận) để chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo C đã liên hệ với bị cáo Trần Quốc H mang thuốc từ Thái Nguyên vào Thanh Hóa để cùng thực hiện việc lừa chiếm đoạt tài sản của người khác. Vào ngày 12/11/2016 sau khi bị cáo H mang thuốc vào, các bị cáo đã gọi thuê xe ô tô du lịch của anh Bùi Văn Đ, sau đó đưa anh Đ lên thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân mời đi ăn uống, dụ dỗ, bỏ thuốc vào đồ uống của anh Đ, khi phát hiện anh Đ đã ngấm thuốc, các bị cáo đã dàn dựng lên việc đánh bạc, dụ dỗ, lôi kéo anh Đ tham gia đánh bạc và sử dụng thủ đoạn gian dối trong việc đánh bạc khiến anh Đ bị thua tiền phải đi cầm xe vay tiền trả cho các bị cáo. Các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Đ số tiền 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng). Loại thuốc mà các bị cáo bị cáo sử dụng là chất Mathamphetamine được pha loãng thành dung dịch có tác dụng kích thích hệ thần kinh trung ương, gây ảo giác, tạo sự hưng phấn. Bị cáo H không trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng có hành vi giúp sức tích cực cho các bị cáo Th, C, T, H thực hiện hành vi phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần

Quốc H đã phạm vào tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo đã có sự thống nhất với nhau từ trước về việc lừa chiếm đoạt tài sản của người bị hại là chủ xe ô tô, để thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã dùng thủ đoạn thuê xe ô tô, sau đó mời chủ xe đi ăn uống, dụ dỗ, bỏ thuốc vào đồ uống của chủ xe, khi phát hiện chủ xe đã ngất thuốc, các bị cáo sẽ dàn dựng lên việc đánh bạc, dụ dỗ, lôi kéo chủ xe tham gia đánh bạc và gian dối trong việc đánh bạc (chơi cò bạc bịp), khiến cho chủ xe bị thua tiền, buộc phải đi cầm xe vay tiền trả cho các bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ xe. Loại thuốc mà các bị cáo bị cáo sử dụng là một dạng thuốc kích thích khi uống vào sẽ tăng ham muốn đánh bạc và khi đã tham gia thì bị cuốn hút và không dứt ra được.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức chơi cò bạc bịp không phải là thủ đoạn mới trong phạm vi cả nước, song thời gian gần đây loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng; Trên địa bàn huyện Thọ Xuân thủ đoạn các bị cáo sử dụng là lần đầu tiên bị đưa ra xét xử. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; hành vi đó thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật. Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã từng bị Tòa án kết án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, mà nay lại tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ các bị cáo rất coi thường pháp luật, không có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù thật nghiêm, tương xứng với hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, có người khởi xướng, có việc bàn bạc và có sự thống nhất ý chí giữa các bị cáo, nhưng không có người cầm đầu, không có sự phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho từng người, nên vụ án không có tính tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa, đánh giá vai trò tương xứng với hành vi cụ thể của mỗi bị cáo để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Đặng Văn Th là người khởi xướng việc lừa chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn chơi cò bạc bịp, sau khi được các bị cáo khác thống nhất đã chủ động cùng với bị cáo C tìm địa điểm, dàn dựng lên việc đánh bạc, bỏ ra 30.000.000đ đưa cho các bị cáo C, T mỗi bị cáo 10.000.000 để đóng vai tham gia đánh bạc; Khi người bị hại không vào địa điểm đánh bạc các bị cáo đã bố trí, Th đã gọi điện cho H bảo vay 10.000.000đ và bảo T nhờ anh Đ mang tiền vào để lấy cớ dụ anh Đ tham gia đánh bạc và trực tiếp tham gia vào việc đánh bạc, khi đã chiếm đoạt được của anh Đạt số tiền 110.000.000đ Th đi ra ngoài và đưa cho H 10.000.000đ làm vốn và bảo H vào thay vị trí của Th để tiếp tục việc đánh bạc; Bị

cáo Th được hưởng lợi số tiền 80.000.000đ là nhiều nhất trong số các bị cáo tham gia, nên bị cáo Th phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Ngày 04/9/2014 bị cáo Th bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “đánh bạc”. Ngày 02/3/2017 mới thi hành xong phần tiền án phí và phạt bổ sung, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên bị cáo Th phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy: bị cáo Th là người khởi xướng và thực hành tích cực trong vụ án, có nhân thân xấu phải chịu một tình tiết tăng nặng, trong khi chỉ được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chưa bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, nên xử phạt bị cáo Th mức hình phạt tù cao nhất trong vụ án. Bị cáo Th đang phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "đánh bạc" tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2014/HSST ngày 04/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tr nhưng lại phạm tội mới trong thời gian thử thách, nên căn cứ vào khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 49/2014/HSST ngày 04/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện T và tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C là người đã chủ động gọi điện, liên hệ cho bị cáo Trần Quốc H mang thuốc (các bị cáo thường gọi là "thuốc đánh bạc") đem vào Thanh Hóa cho các bị cáo, chủ động cùng với bị cáo Th tìm địa điểm, dàn dựng lên việc đánh bạc, được bị cáo Th đưa cho 10.000.000đ và trực tiếp tham gia việc đánh bạc từ đầu đến cuối để thực hiện việc lừa chiếm đoạt tài sản của người bị hại; Trong quá trình đánh bạc bị cáo C là người thực hiện hành vi "lát bài", nếu C cầm chương thì sẽ lát bài cho anh Đ ít điểm và bị thua tiền C, còn khi Th và H gior bài ra thì C chủ động đập bài xin thua và chuyển tiền cho Th hoặc H; Bị cáo được hưởng lợi số tiền 20.000.000đ, nên bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò thứ hai trong vụ án. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Tại bản án số 121/2015/HSST ngày 25/5/2015 của Tòa án nhân dân quận C bị cáo C bị xử phạt 10 tháng tù về tội “đánh bạc”; Ngày 20/7/2015 bị cáo C mới chấp hành xong hình phạt tù, nhưng do số tiền dùng đánh bạc trong vụ án là dưới 5.000.000đ, nên bị cáo C đã đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung; Ngoài ra bị cáo C hiện đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa khởi tố về hành vi "đánh bạc". Bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã tích cực tác động đề nghị gia đình bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền là 15.000.000đ, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại

các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy: bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên cần xem xét, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo; Xử phạt bị cáo C ở mức án thấp hơn bị cáo Th như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với bị cáo Lê Sỹ T, là người đã chủ động thuê xe ô tô của anh Đ, đưa anh Đ lên thị trấn Thọ Xuân gặp các bị cáo khác, tổ chức ăn uống để lừa cho người bị hại uống thuốc; Sau khi người bị hại đã ngấm thuốc bị cáo T đã cùng với các bị cáo khác dàn dựng lên việc đánh bạc, gọi điện giả nhờ anh Đ mang tiền vào nhà B, nhờ anh Đ cầm bài hộ để dụ anh Đ vào tham gia đánh bạc, được bị cáo Th đưa cho 10.000.000 và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối để thực hiện việc lừa chiếm đoạt tài sản của người bị hại; Bị cáo được hưởng lợi số tiền 64.000.000đ, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò thứ ba trong vụ án. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Ngày 22/01/2015 bị cáo Tùng bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “đánh bạc”, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên bị cáo T phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã tích cực tác động đề nghị gia đình bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền chiếm đoạt bị cáo được hưởng lợi là 64.000.000đ, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo đã chủ động đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy: bị cáo T phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng được hưởng bốn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo; Xử phạt bị cáo T ở mức án thấp hơn bị cáo Th, C và ở mức đầu khung hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Bị cáo T đang phải chấp hành hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện T nhưng lại phạm tội mới trong thời gian thử thách, nên căn cứ vào khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt 12 tháng tù của bản án sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện T và tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Đức H đã có hành vi cùng với các bị cáo khác tổ chức việc ăn uống để lừa cho người bị hại uống thuốc, vay tiền đưa cho anh Đ mang vào địa điểm đánh bạc theo yêu cầu của Th để lấy cơ dụ anh Đ vào tham gia đánh bạc, được bị cáo Th đưa cho 10.000.000đ và trực tiếp tham gia vào việc đánh bạc để thực hiện việc lừa chiếm đoạt tài sản của người bị hại; Bị cáo được hưởng lợi số tiền 34.000.000đ, nên xếp bị cáo H ở vai trò thứ tư trong vụ án. Về tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2012/HSST ngày 21/8/2012 Tòa án nhân dân huyện T xử phạt bị cáo H 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”; Ngày 15/11/2016 mới chấp hành xong phần án phí, phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập, nhưng do số tiền dùng đánh bạc trong vụ án là dưới 5.000.000đ, nên bị cáo H đã đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung. Bị cáo H hiện đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa khởi tố về hành vi đánh bạc. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã tích cực tác động đề nghị gia đình bị cáo bồi thường cho người bị hại được số tiền 19.000.000đ, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo đã chủ động đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy: bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo ở mức đầu khung hình phạt và thấp hơn bị cáo T, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo.

Đối với bị cáo Trần Quốc H tuy không trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm, nhưng khi được bị cáo C gọi điện bảo mua thuốc (các bị cáo thường gọi là thuốc đánh bạc) đem vào Thanh Hóa để lừa chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo H đồng ý và đã tìm mua thuốc và đem vào Thanh Hóa, trong khi ăn uống đã trực tiếp nhả thuốc vào cốc bia cho anh Đ uống, khi phát hiện thấy anh Đ đã bị ngấm thuốc bị cáo đã ra tín hiệu báo cho các bị cáo khác biết về việc anh Đ đã ngấm thuốc để dụ anh Đ đi đánh bạc nhằm lừa chiếm đoạt tài sản của anh Đ; Sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh Đ, bị cáo được chia 10.000.000đ. Hành vi của bị cáo H đã giúp sức cho các bị cáo khác trong việc thực hiện tội phạm, nếu không có thuốc do bị cáo H mua, mang vào và cho anh Đ uống các bị cáo sẽ không thực hiện được việc lừa chiếm đoạt tài sản của anh Đ, Nên xếp bị cáo ở vai trò sau cùng trong vụ án. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Ngày 19/6/2015 bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 05 tháng 13 ngày tù về tội “đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đến ngày 20/8/2015 mới thi hành xong phần án phí dân sự và khoản truy nộp, nên bị cáo chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, do đó bị cáo H phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Ngoài ra ngày 24/3/2017, bị H còn bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 08 tháng tù về tội “đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST, bị cáo chưa thi hành án. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đã tích cực tác động đề nghị gia đình bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền được hưởng lợi là 10.000.000đ, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo đã chủ động đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng

thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy: bị cáo H phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo. Bị cáo H chưa chấp hành hình phạt 08 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P nên cần phải tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân các bị cáo phải chịu hình phạt tù, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Liên quan đến vụ án này:

Vũ Văn B đã có hành vi cho các đối tượng mượn nhà để đánh bạc và được các đối tượng cho 2.000.000đ nhưng B không biết mục đích của các đối tượng trên là giả đánh bạc để lừa chiếm đoạt tài sản của người bị hại, B đã tự nguyện giao nộp 2.000.000đ cho Cơ quan điều tra để trả lại người bị hại. Do đó, Cơ quan điều tra không khởi tố B trong vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp, tuy nhiên đề nghị Cơ quan điều tra cần xem xét làm rõ hành vi cho mượn địa điểm đánh bạc của B, nếu có căn cứ đề nghị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Hoàng Văn T và Trịnh Khắc H có hành vi liên quan đến việc người bị hại trong vụ án là anh Đ cầm xe ô tô để vay tiền đánh bạc và bị các bị cáo trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng không biết mục đích của các đối tượng trên nên không đồng phạm giúp sức, tuy nhiên đề nghị Cơ quan điều tra cần xem xét làm rõ hành vi liên quan của T và H, nếu có căn cứ đề nghị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Lê Văn L, Vũ Văn N, Lê Thị H và Ngô Thị T có mặt trong quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không biết mục đích của các bị cáo, không được hưởng lợi gì, không có căn cứ chứng minh đồng phạm với các bị cáo, nên cơ quan điều tra không khởi tố hình sự là đúng quy định.

Căn cứ kết luận giám định xác định hành vi tàng trữ 4ml dung dịch có chứa Methamphetamine, nồng độ Methamphetamine là 12,6mg/ml của Trần Quốc H và Đặng Văn Th chưa đủ định lượng để xử lý hình sự. Kiến nghị Cơ quan điều tra cần xem xét xử lý hành chính đối với hành vi tàng trữ ma túy của Trần Quốc H và Đặng Văn Th.

Quá trình điều tra, ông Trịnh Khắc H đã giao nộp chiếc xe ô tô Kia Rio biển kiểm soát 36A – xxx.xx của anh Đ cho Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Bùi Văn Đ. Giữa ông H và anh Đ đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết đối với xe ô tô trên, nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn Đ bị chiếm đoạt số tiền 210.000.000đ; Quá trình điều tra anh Đ đã được các bị cáo bồi thường số tiền 110.000.000đ, cụ thể: T bồi thường 64.000.000đ, H bồi thường 19.000.000đ, C bồi thường 15.000.000đ, H bồi thường 10.000.000đ, Vũ Văn B giao nộp cơ quan điều tra 2.000.000đ đã giao trả cho anh Đ. Số tiền bị thiệt hại còn lại anh Đ yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Đ theo giá trị tài sản các bị cáo được hưởng. Xét thấy các bị cáo đồng phạm trong việc thực hiện tội phạm, gây thiệt hại về tài sản cho anh Đ, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Đ, từng bị cáo được hưởng lợi bao nhiêu tiền thì phải bồi thường cho anh Đ bấy nhiêu tiền. Bị cáo T được hưởng lợi 64.000.000đ, đã bồi thường 64.000.000đ cho anh Đ và bị cáo H được hưởng lợi 10.000.000đ đã bồi thường 10.000.000đ cho anh Đ, nên ghi nhận các bị cáo T và H đã bồi thường xong; Bị cáo H được hưởng lợi 34.000.000đ, đã bồi thường 19.000.000đ, bị cáo C được hưởng lợi 20.000.000đ, đã bồi thường được 15.000.000đ, còn bị cáo Th được hưởng lợi 80.000.000đ nhưng chưa bồi thường, nên buộc các bị cáo H, C và Th phải tiếp tục bồi thường cho anh Đ số tiền còn lại, cụ thể: bị cáo H 15.000.000đ, bị cáo C 5.000.000đ và bị cáo Th 80.000.000đ.

Về vật chứng vụ án:

- 01 lọ nhựa màu trắng không có tem nhãn, bên trong có chứa dung dịch lỏng màu trắng, có chất Aplazolam và 01 ống nhựa màu trắng có dán tem nhãn dung dịch nhỏ mắt Natriclorid, bên trong có chứa dung dịch lỏng màu trắng, có chất Methamphetamine còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo Trần Quốc Hà dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Ngô Thị T, không sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, nên trả lại cho chị Ngô Thị T.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý và nhập kho vật chứng đúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần Quốc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C và Lê Đức H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho người bị hại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H và Trần Quốc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1 Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 51, Điều 53 và khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Th 08 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2014/HSST ngày 04/9/2014 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo Đặng Văn Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2017, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2014/HSST ngày 04/9/2014 của Toà án nhân dân huyện T (từ ngày 01/6/2014 đến ngày 09/7/2014).

1.2 Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2017.

1.3 Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 51; Điều 53 và khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Sỹ T 07 năm 04 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 22/01/2015 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo Lê Sỹ T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 29/11/2016 đến ngày 12/6/2017) và thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 22/01/2015 của Toà án nhân dân huyện T (từ ngày 23/8/2014 đến ngày 02/10/2014).

1.4 Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Đức H 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 29/11/2016 đến ngày 06/6/2017).

1.5 Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 07 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 08 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Trần Quốc H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/01/2017, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện P (từ ngày 20/9/2016 đến ngày 28/10/2016).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự 2015,

Ghi nhận các bị cáo Lê Sỹ T và Trần Quốc H đã bồi thường xong.

Buộc bị cáo Lê Đức H phải bồi thường tiếp cho anh Bùi Văn Đ số tiền còn lại là 15.000.000đ

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C phải bồi thường tiếp cho anh Bùi Văn Đ số tiền còn lại là 5.000.000đ

Buộc bị cáo Đặng Văn Th phải bồi thường cho anh Bùi Văn Đ số tiền là 80.000.000đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy 01 lọ nhựa màu trắng không có tem nhãn, bên trong có chứa dung dịch lỏng màu trắng, có chất Aplazolam và 01 ống nhựa màu trắng có dán tem nhãn dung dịch nhỏ mắt Natriclorid, bên trong có chứa dung dịch lỏng màu trắng, có chất Methamphetamine còn lại sau giám định;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng;

- Trả lại cho chị Ngô Thi Th 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng;

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 37 ngày 29/5/2017 và Phiếu nhập kho số PNK37 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Các bị cáo Lê Sỹ T và Trần Quốc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đặng Văn Th phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 4.200.000đ

Bị cáo Nguyễn Ngọc C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000đ

Bị cáo Lê Đức H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 950.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đặng Văn Th, Nguyễn Ngọc C, Lê Sỹ T, Lê Đức H, Trần Quốc H và người bị hại Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tiến